

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-PT

Ngày 12/12/2023

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Nguyễn Anh Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S, địa chỉ: 77 T, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D, địa chỉ: Số 90A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L, địa chỉ: Thôn 05, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan: Chị Triệu Thị L và anh Triệu Thế D, địa chỉ: Thôn 05, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Do có kháng cáo của ông Triệu Thế N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2017, Ngân hàng S (Viết tắt: Ngân hàng S) đã cho ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L vay số tiền là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 40/2017/HDTDTDH-CN/S.121000 ngày 19/10/2017 (Viết tắt: HĐTD số 40), khế nước nhận nợ 01-40/20017/HDTDTD-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017; thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay 24 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 7%/năm.

+ Lãi suất vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh lần đầu tiên là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, các lần tiếp theo được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ từ thời điểm điều chỉnh gần nhất, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh đầu tiên và các kỳ tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cao nhất KHCN của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với biên độ cho vay là 3,0%/năm;

+ Lãi suất áp dụng với nợ gốc quá hạn: Trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc;

+ Lãi phạt chậm trả lãi: Trường hợp bên vay không thanh toán lãi đúng hạn thì bên vay phải trả lãi chậm trả cho Bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả: 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

Khi vay, ông N và bà L có thể chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 39/2017/HĐTC-CN/S.121000 ngày 19/10/2017 (Viết tắt: HDDTC 39) đã đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật gồm các tài sản:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số W836502 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/06/2003, diện tích đất 34.665m²; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AA353383 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2004, diện tích đất 12.000 m²; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AĐ475719 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/03/2006, diện tích đất 4.830 m². Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AK830064 do UBND huyện Đ cấp ngày 29/06/2007, diện tích đất 4.286 m²; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AN968492 do UBND huyện Đ cấp ngày 07/01/2009, diện tích đất 670m²; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số K216169 do UBND huyện Đ cấp ngày 31/03/2000, diện tích đất 975 m².

Các tài sản trên đều mang tên hộ ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L tọa lạc tại xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Trong quá trình vay vốn ông N và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc 305.367.131 đồng, đồng thời Ngân hàng S đã giải chấp và trả lại cho khách hàng 02 tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AN968492 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 07/01/2009, diện

tích đất 670 m² và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số K216169 do UBND huyện Đ cấp ngày 31/03/2000, diện tích đất 975 m².

Đối với số tiền còn lại, ông N và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng S. Mặc dù, Ngân hàng đã đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng phía ông N và bà L vẫn không chịu trả nợ. Nên Ngân hàng mới làm đơn khởi kiện yêu cầu ông N và bà L phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.815.555.751 đồng (trong đó 1.194.632.869 gốc và 620.922.882 đồng tiền lãi) theo HĐTD số 40 ngày 19/10/2017. Ông N và bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 25/9/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Nếu ông N và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ xử lý theo thủ tục thi hành án đối với các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp. Trường hợp tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông N và bà L phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

(2) Bị đơn ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L trình bày:

Ông N và bà L có vay của Ngân hàng S với số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ trăm triệu đồng) theo HĐTD số 40 ngày 19/10/2017; thời hạn vay, lãi suất, số tiền vay, tài sản thế chấp, thời gian vay và thời hạn giải ngân được cụ thể như đại diện phía Ngân hàng đã trình bày.

Sau nhiều lần đã trả tiền thì số tiền gốc hiện nay còn nợ lại là 1.194.632.869 đồng tiền gốc. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải thanh toán số tiền gốc 1.194.632.869 đồng thì ông N và bà L đồng ý, tuy nhiên xin được trả dần hoặc khi nào bán được đất thì sẽ trả cho Ngân hàng.

Đối với số tiền lãi, ông N và bà L thừa nhận số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu là đúng, tuy nhiên ông N và bà L không đồng ý trả tiền lãi với lý do vì dịch Covid-19, ông N và bà L không có thu nhập nên xin được giảm lãi.

Tại bản án số: 49/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2023) số tiền là 1.815.555.751 đồng (Một tỷ tám trăm mười lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi một đồng). Trong đó, tiền gốc là 1.194.632.869 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng); tiền lãi (trong hạn và quá hạn) tính đến ngày 25/9/2023 là 620.922.882 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai đồng) theo hợp đồng tín dụng số 40/2017/HDTDTDH-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017.

Ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 25/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số

40/2017/HDTDTDH-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ xử lý theo thủ tục thi hành án đối với các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 39/2017/HĐTC-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017.

Trường hợp tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2023 ông Triệu Thế N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt ông N, bà L là trái pháp luật; Về số nợ Ngân hàng S thì ông đồng ý trả số tiền gốc và lãi suất thông thường, không đồng ý trả lãi suất nợ quá hạn; không đồng ý trả khoản nợ phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm; không đồng ý việc cấp sơ thẩm tuyên ông, bà tiếp tục trả nợ trong trường hợp tài sản không đủ để trả khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Thế N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Thế N, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Triệu Thế N nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và các quy định về lãi suất trong Bộ luật dân sự để giải quyết trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng là không đúng quy định theo hướng dẫn tại Nghị

quyết số 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất quá hạn, phạt vi phạm. Do vậy, tại cấp phúc thẩm cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông N cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông là trái pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11/8/2023 nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa; phiên tòa ngày 31/8/2023 và ngày 12/9/2023 ông Triệu Thế N có đơn xin hoãn phiên tòa nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 25/9/2023 ông N tiếp tục làm đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bệnh nặng. Tuy nhiên ông không cung cấp được giấy tờ điều trị bệnh và tài liệu chứng minh ông không thể tham dự phiên tòa vì trở ngại khách quan nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét về khoản vay theo HĐTD số 40 ngày 19/10/2017 với thời hạn vay 60 tháng, hạn cuối cùng thanh toán nợ gốc vào ngày 19/10/2022. Xét hợp đồng tín dụng trên có chữ ký của ông N và bà L, việc ký kết là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung, hình thức, mục đích của hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà L đã trả được số tiền gốc là 305.367.131 đồng. Số còn lại 1.194.632.869 đồng ông, bà không trả gốc và lãi cho Ngân hàng S theo quy định nên Ngân hàng S mới khởi kiện theo quy định. Đối với số tiền nợ gốc còn lại này phía ông N cũng thừa nhận. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.194.632.869 đồng nợ gốc theo HĐTD số 40 là có căn cứ.

[2.3]. Xét kháng cáo của ông N về các khoản tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì lãi suất cho vay 24 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 7%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh lần đầu tiên là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, các lần tiếp theo được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ thời điểm điều chỉnh gần nhất; Lãi suất áp dụng với nợ gốc quá hạn trong trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc và lãi phạt chậm trả lãi trong trường hợp bên vay không thanh toán lãi đúng hạn thì bên vay phải trả lãi chậm trả cho Bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả: 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

Trong quá trình vay vốn ông N và bà L đã không trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định là vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng được ký kết nên việc Ngân hàng S khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đối với số tiền tiền lãi (trong hạn và quá hạn) tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 620.922.882 đồng là đúng

quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N và bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 25/9/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD số 40 ngày 19/10/2017 là phù hợp. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông N đối với các nội dung này.

[2.4]. Đối với kháng cáo cho rằng không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trong trường hợp tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông bà phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Để bảo đảm cho khoản vay theo HĐTD số 40 thì ông N, bà L có thể chấp các tài sản như đã nêu tại mục (1) nêu trên và tại tiểu mục 5.3.5, mục 5.3, Điều 5 của HĐTC 39 các bên đã cam kết thỏa thuận: “ Sau khi thanh toán Nghĩa vụ Được Bảo Đảm nếu số tiền thu được từ việc xử lý TSTC không đủ, bên B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho bên A số tiền còn thiếu, trường hợp còn dư, Bên A sẽ hoàn trả cho bên B”. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trong trường hợp không trả được thì xử lý tài sản thế chấp theo các thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả thì ông N, bà L còn phải tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy ông N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên tại cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Thê N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất quá hạn,

phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền dư nợ tại Ngân hàng S tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2023) số tiền là 1.815.555.751 đồng (*Một tỷ tám trăm mười lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi một đồng*). Trong đó, tiền gốc là 1.194.632.869 đồng (*Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng*); tiền lãi (trong hạn và quá hạn) tính đến ngày 25/9/2023 là 620.922.882 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 40/2017/HDTDTDH-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017.

Ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 25/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 40/2017/HDTDTDH-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song xử lý theo thủ tục thi hành án đối với các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 39/2017/HĐTC-CN/SHB.121000 ngày 19/10/2017.

Trường hợp tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho Ngân hàng S.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Triệu Thế N và bà Ngô Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 66.467.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng S số tiền 29.079.000 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001719 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Thế N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm*

ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001379 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn Hữu